TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 01 năm 2026
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Minh
2. Bà Huỳnh Trúc Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Hoàng V, sinh năm 1975; Căn cước công dân số 096075002667; Địa chỉ: Nhà không số, đường N, khóm 0, phường L, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Bà Trương Bích G, sinh năm 1972; Căn cước công dân số 096172004612; Địa chỉ: Nhà không số, đường N, khóm 0, phường L, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trương Thị Kim P, sinh năm 1961; Căn cước công dân số 095161000490; Địa chỉ: Số A01/09, khóm 0, phường B, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Kim P: Ông Trương Thanh S, sinh năm 1976; Căn cước công dân số 095076009577; Địa chỉ: Số A01/09, khóm 0, phường B, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- Ông Trần Tuấn T, sinh năm 1986; Căn cước công dân số 095086001256; Địa chỉ: Số A01/09, khóm 0, phường B, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bà Trần Diễm H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- Bà Phan Thị Hồng N, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Hoàng V trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Trương Bích G kết hôn với nhau vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường 0, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, cự cãi, vợ chồng không còn sinh hoạt chung khoảng 04 năm nay mặc dù vẫn còn sống chung nhà. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên ông yêu cầu được ly hôn với bà G.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Phan Hoàng B V, sinh ngày 27/11/2004; Phan Hoàng K V và Phan Hoàng N V cùng sinh ngày 22/9/2012. Khi ly hôn, ông đồng ý giao 02 con chung tên Phan Hoàng K V và Phan Hoàng N V cho bà Giang trực tiếp nuôi dưỡng; Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi người con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi. Con chung tên Phan Hoàng BV đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

- Về nợ chung: Nợ bà Trương Thị Kim P (cô vợ) 02 lượng vàng 24K; Nợ bà Trần Diễm H số tiền 30.000.000 đồng; Nợ bà Phan Thị Hồng N 30.000.000 đồng. Ngoài ra, không còn nợ ai. Khi ly hôn, ông yêu cầu bà G cùng ông có trách nhiệm trả nợ khi chủ nợ có yêu cầu.

Bị đơn Bà Trương Bích G trình bày:

- Về hôn nhân: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Phan Hoàng V về thời điểm kết hôn, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà xác định trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn, đôi lúc có cự cãi nhưng cự cãi không nhiều. Mấy tháng gần đây ông Vui nói đi Cần Thơ làm nhưng khi bà liên lạc thì không được, ông V đi khoảng hơn tháng mới về nhà một lần, gần đây có về Cà Mau nhưng không về nhà, nguyên nhân thì bà không biết. Hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn với ông V.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung như ông V trình bày là đúng, con chung hiện đang sống cùng với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi 02 người con chung tên Phan Hoàng K V và Phan Hoàng N V; Về mức cấp dưỡng ông Vui đưa ra thì bà không đồng ý; Bà yêu cầu cấp dưỡng theo mức cao nhất của pháp luật. Về con chung tên Phan Hoàng B V đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

- Về nợ chung: Nợ bà Trương Thị Kim P 02 lượng vàng 24K; Nợ bà Trần Diễm H 30.000.000 đồng; Nợ bà Phan Thị Hồng N 30.000.000 đồng và nợ ông Trần Tuấn T số tiền 100.000.000 đồng, mượn nợ ông T vào năm 2022 cùng thời điểm mượn vàng của bà P; Ngoài ra không còn nợ ai. Khi ly hôn, bà yêu cầu ông Vui cùng bà có trách nhiệm trả nợ khi chủ nợ có yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Diễm H trình bày: Bà cho vợ chồng ông V, bà G mượn số tiền 30.000.000 đồng vào năm 2022. Nay ông V, bà G đã thừa nhận nợ nên bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Do bà không có yêu cầu gì nên xin vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Hồng N trình bày: Bà cho vợ chồng ông V, bà G mượn số tiền 30.000.000 đồng vào năm 2022. Nay ông V, bà G đã thừa nhận nợ nên bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Do bà không có yêu cầu gì nên xin vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trươnag Thị Kim P, do ông Trương Thanh S đại diện theo uỷ quyền trình bày: Vào năm 2022 bà P có cho vợ chồng ông Phan Hoàng V, bà Trương Bích G mượn 02 cây vàng 24K, người nhận vàng trực tiếp là bà Trương Bích G nhưng ông V có biết việc nhận, mượn vàng này. Nay bà P không có yêu cầu gì đối với số vàng cho mượn trong vụ án này, sau này nếu có tranh chấp thì bà P sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác. Do bà Phượng không có yêu cầu gì và bận công việc làm ăn nên ông S xin vắng mặt tại các phiên tòa đến khi kết thúc vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Phan Hoàng V và bà Trương Bích G kết hôn với nhau vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (cũ). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà G được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông Phan Hoàng V cho rằng Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, áp lực về kinh tế, không có sự đồng cảm, tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Giang. Bà Giang xác định trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn, đôi lúc có cự cãi nhưng cự cãi không nhiều. Bà nghi ngờ ông Vui có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, hôn nhân hiện nay không hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn với ông Vui. Do các đương sự thống nhất ly hôn nên Toà án chấp nhận yêu cầu của ông V được ly hôn với bà G.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Phan Hoàng B V, sinh ngày 27/11/2004; Phan Hoàng K V và Phan Hoàng N V cùng sinh ngày 22/9/2012, hiện đang sống cùng với mẹ là bà Trương Bích G. Tại phiên toà, ông V, bà G thống nhất thoả thuận, giao 02 người con chung tên Phan Hoàng K V và Phan Hoàng N V cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng; Ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con K V và N V, mỗi người con 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận; Con chung tên Phan Hoàng Bảo V đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Tự thoả thuận.

[4] Về nợ chung: Thống nhất có nợ bà Trương Thị Kim P 02 lượng vàng 24K; Nợ bà Trần Diễm H 30.000.000 đồng; Nợ bà Phan Thị Hồng N 30.000.000 đồng nhưng bà P, bà H và bà N không có yêu cầu xem xét các khoản nợ này trong vụ án; Đối với khoản nợ ông Trần Tuấn T 100 triệu đồng, ông V và bà G chưa thống nhất nhưng ông T không có ý kiến phản hồi về số nợ này. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về nợ chung, khi nào có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Hoàng V được ly hôn với bà Trương Bích G.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Hoàng K V và Phan Hoàng N V cùng sinh ngày 22/9/2012 cho bà Trương Bích Giang tiếp tục nuôi dưỡng; Ông Phan Hoàng V không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phan Hoàng V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung tên Phan Hoàng K V và Phan Hoàng Nh V cùng sinh ngày 22/9/2012, mỗi người con 2.500.000 đồng/tháng; Cấp dưỡng hàng tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính kể từ ngày 30/01/2026.

Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung: Tự thoả thuận.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Hoàng V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng. Ngày 30/10/2025 ông V đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0003610 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ. Ông Vui còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1 - Cà Mau;
- UBND phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

Trần Thị Kiều Trang

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỈNH CÀ MAU

Cà Mau, ngày 30 tháng 01 năm 2026

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc…..giờ…..phút, ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh

Bà Huỳnh Trúc Duyên

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 314/2025/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Hoàng Vui, sinh năm 1975; Căn cước công dân số 096075002667; Địa chỉ: Nhà không số, đường Nguyễn Trung Trực, khóm 1, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Bà Trương Bích Giang, sinh năm 1972; Căn cước công dân số 096172004612; Địa chỉ: Nhà không số, đường Nguyễn Trung Trực, khóm 1, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trương Thị Kim Phượng, sinh năm 1961; Căn cước công dân số 095161000490; Địa chỉ: Số A01/09, khóm 23, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Kim Phượng: Ông Trương Thanh Sơn, sinh năm 1976; Căn cước công dân số 095076009577; Địa chỉ: Số A01/09, khóm 23, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- Ông Trần Tuấn Thanh, sinh năm 1986; Căn cước công dân số 095086001256; Địa chỉ: Số A01/09, khóm 23, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bà Trần Diễm Hậu, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp Tân Long, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- Bà Phan Thị Hồng Nhanh, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp Mương Điều A, xã Tạ An Khương, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Hoàng Vui được ly hôn với bà Trương Bích Giang.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Hoàng Khánh Vy và Phan Hoàng Nhật Vy cùng sinh ngày 22/9/2012 cho bà Trương Bích Giang tiếp tục nuôi dưỡng; Ông Phan Hoàng Vui không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phan Hoàng Vui có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung tên Phan Hoàng Khánh Vy và Phan Hoàng Nhật Vy cùng sinh ngày 22/9/2012, mỗi người con 2.500.000 đồng/tháng; Cấp dưỡng hàng tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính kể từ ngày 30/01/2026.

Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung: Tự thoả thuận

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Hoàng Vui phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng. Ngày 30/10/2025 ông Vui đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0003610 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ. Ông Vui còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Tập thể thống nhất ý kiến 3/3.

Nghị án kết thúc vào lúc……giờ……phút cùng ngày, có đọc lại và Hội đồng đồng ý ký tên vào biên bản.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Công Minh **Huỳnh Trúc Duyên** **Trần Thị Kiều Trang**